FireAnt

CTCP Gemadept (HSX: GMD)

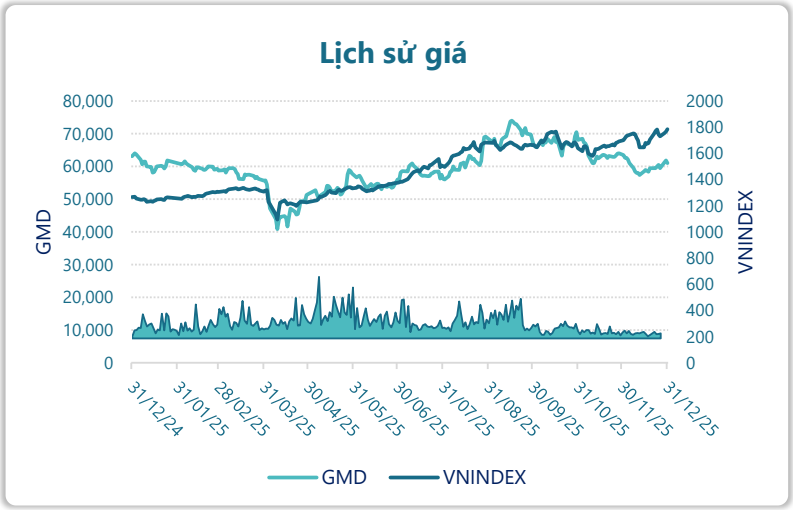

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**61,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	74,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,841
SL cổ phiếu LH	426,495,109
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,094,465
% sở hữu nước ngoài	38.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26,016
P/E	15.5
EPS	3,932

DT thuần

Q4/25

1,614

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.0| 3.5%

YoY: ▲ 202| 14.3%

LN sau thuế

Q4/25

660

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 228| 52.8%

YoY: ▲ 304| 85.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

44.0%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

2025

5,946

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,114| 23.0%

LN sau thuế

2025

2,224

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 300| 15.6%

ROE

2025

11.7%

+/- YoY: ▼ 0.7%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

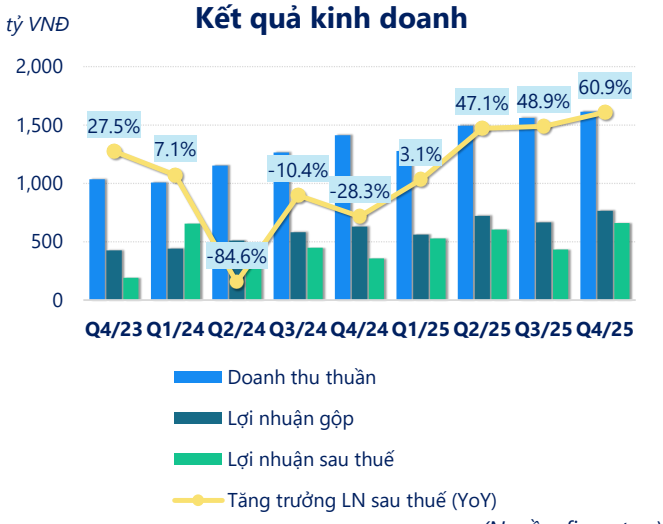

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

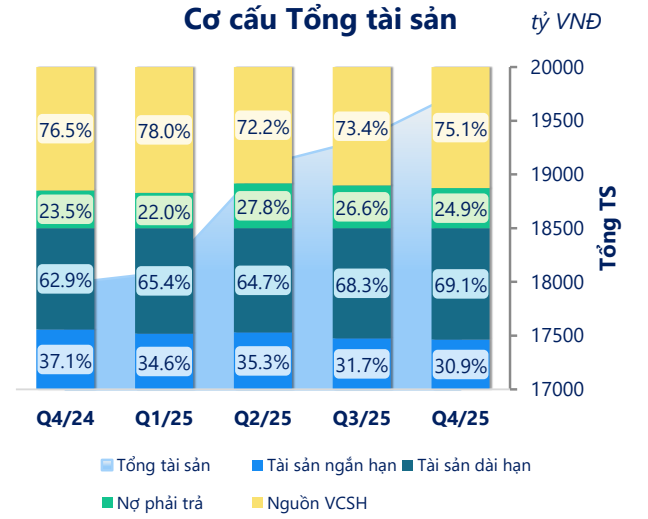

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

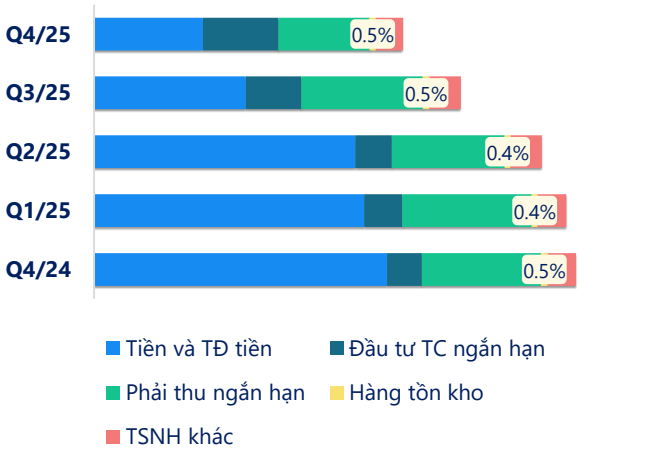

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

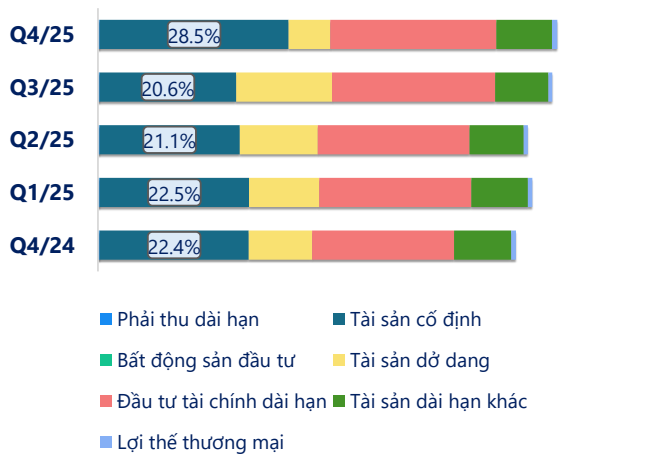

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

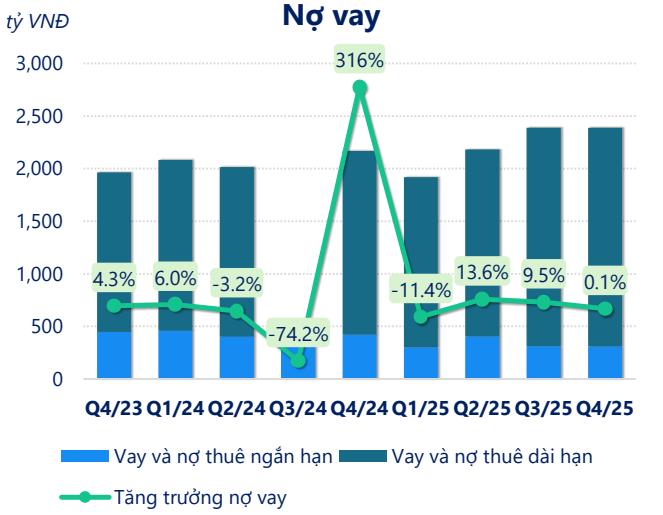

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

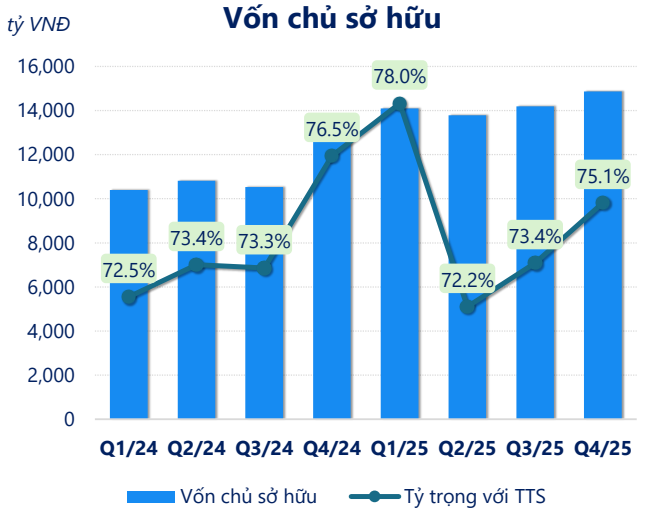

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

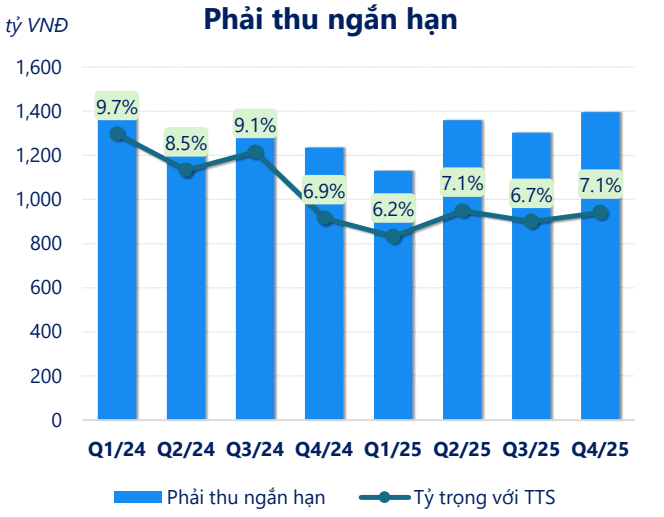

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

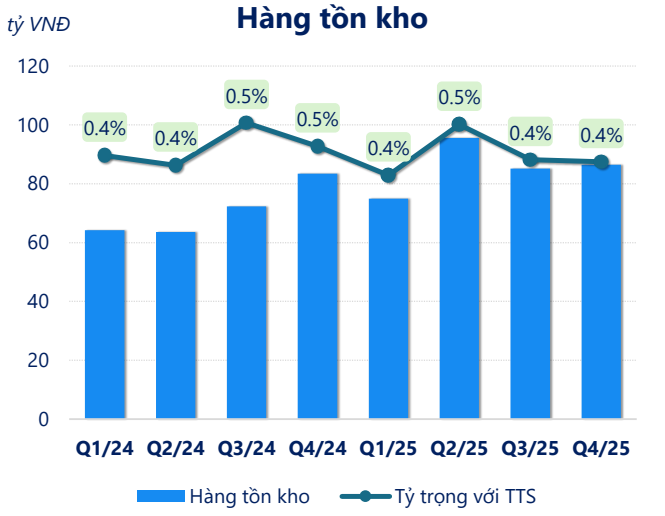

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

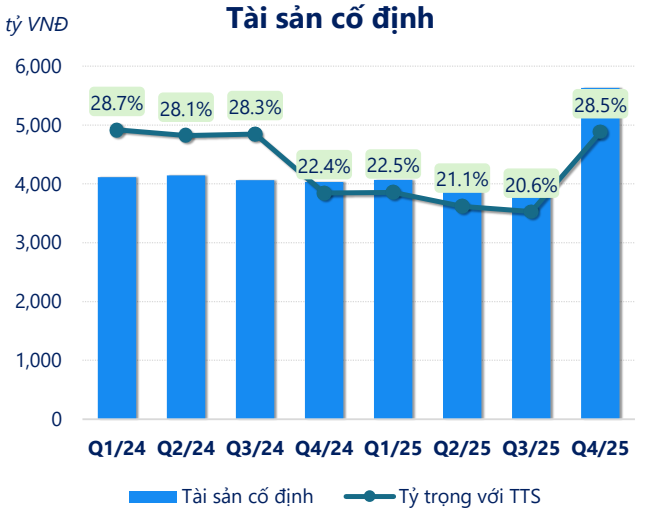

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

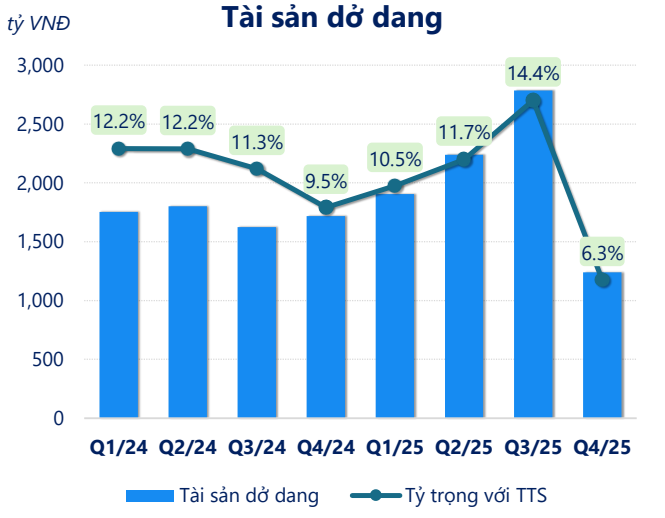

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

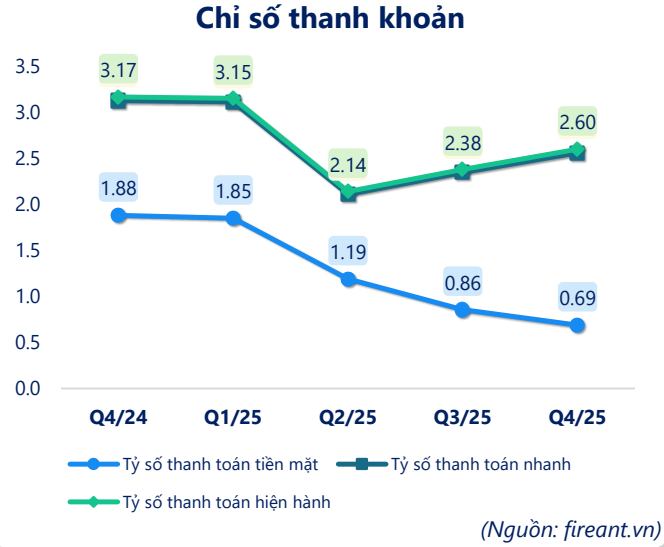

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

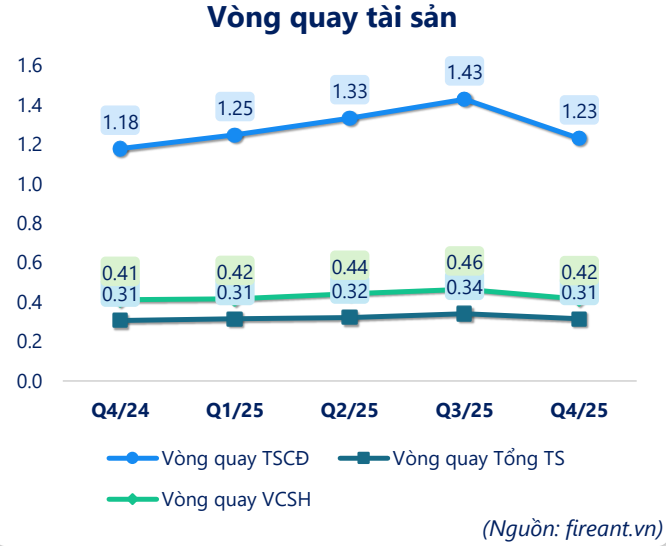

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**17,986**	**18,089**	**19,086**	**19,322**	**19,777**
Tài sản ngắn hạn	**6,676**	**6,267**	**6,743**	**6,118**	**6,110**
Tiền và tương đương tiền	3,964	3,676	3,749	2,205	1,618
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,021	1,132	1,263	2,207	2,657
Phải thu ngắn hạn	1,235	1,129	1,360	1,303	1,396
Hàng tồn kho	83.4	75.0	95.5	85.1	86.5
Tài sản ngắn hạn khác	372	255	276	317	353
Tài sản dài hạn	**11,310**	**11,823**	**12,343**	**13,205**	**13,667**
Phải thu dài hạn	44.7	45.7	45.7	45.8	46.1
Tài sản cố định	4,033	4,068	4,025	3,978	5,630
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,717	1,906	2,238	2,784	1,241
Đầu tư tài chính dài hạn	3,841	4,145	4,360	4,742	4,937
Tài sản dài hạn khác	1,543	1,534	1,556	1,545	1,659
Lợi thế thương mại	131	124	117	110	155
Nợ phải trả	**4,232**	**3,988**	**5,308**	**5,134**	**4,917**
Nợ ngắn hạn	**2,107**	**1,988**	**3,151**	**2,571**	**2,350**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	422	299	404	311	308
Phải trả người bán ngắn hạn	462	540	619	700	566
Nợ dài hạn	2,125	2,000	2,157	2,563	2,567
Vay và nợ thuê dài hạn	1,745	1,621	1,777	2,077	2,082
Nguồn vốn chủ sở hữu	**13,753**	**14,101**	**13,778**	**14,188**	**14,860**
Vốn chủ sở hữu	**13,753**	**14,101**	**13,778**	**14,188**	**14,860**
Vốn điều lệ	4,140	4,202	4,202	4,202	4,265
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)